

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS - PT

Ngày 05 - 03 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/02/2026 và ngày 05/03/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLPT-DS ngày 03/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2026/QĐ-PT ngày 16/01/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 23/2026/QĐ-PT ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Bích N, số CCCD 035081011425, ngày 25/09/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1; Địa chỉ: Số nhà H, đường N, phường H, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Chị Đào Thị Quỳnh L, số CCCD 015183004782, ngày 12/01/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1;

- Anh Lê Thanh H, số CCCD 035084011750, ngày 04/11/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh H: Chị Đào Thị Quỳnh L
Địa chỉ: Số nhà C, đường N, phường L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Sơn Thị Vành N1, số CCCD 094188008959, ngày 21/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1;

Địa chỉ: Số nhà H, đường N, phường H, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

4. Người làm chứng: Anh Đào Mạnh Hùng, số CCCD 035081011425 ngày 25/09/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1;

Địa chỉ: 9 khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đào Bích N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết ông N đã cho anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L vay tiền để kinh doanh. Ngày 12/7/2017, ông N đã chuyển cho Lê Thanh H vay số tiền 500.000.000 đồng, qua tài khoản LE THU HUONG, là chị gái anh H, thời hạn vay là 01 năm với lãi suất là 2%/tháng. Khi vay, ông N và anh H, chị L có làm giấy tờ viết tay, nhưng hiện đã không còn lưu giữ. Quá thời hạn vay, ông N có đòi khoản tiền nêu trên, anh H, chị L chưa trả được nợ gốc, nhưng có trả lãi hàng tháng. Đến năm 2018, ông N và anh H, chị L giao dịch qua điện thoại chuyển số tiền vay 500.000.000 đồng thành vay vàng và ông N có đưa thêm số tiền mặt 18.000.000 đồng cho anh H. Tổng cộng số tiền vay là 518.000.000 đồng quy đổi ra vàng là 14 cây vàng SJC. Trong năm 2018, ông N cho anh H, chị L vay hai lần tiền, tổng số tiền vay là 1.034.000.000 đồng, ông N thỏa thuận qua điện thoại với anh H, chị L quy đổi thành 28 cây vàng SJC. Tổng số tiền anh H, chị L vay ông N ba lần là 1.552.000.000 đồng quy đổi ra vàng là 42 cây vàng SJC. Anh H, chị L đã trả cho ông N lần một là 210.000.000 đồng quy đổi ra vàng thành 05 cây còn nợ lại 37 cây vàng. Lần thứ hai anh H, chị L trả cho ông N quy đổi thành vàng là 12 cây vàng. Lần thứ ba anh H trả cho ông N 500.000.000 đồng lúc đó vàng 60.000.000 đồng/cây, quy đổi thành vàng là 10 cây, anh H còn thiếu của ông N là 100.000.000 đồng và 15 cây vàng.

Để đảm bảo quyền lợi của ông N, ông N đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L phải có trách nhiệm trả cho ông Đào Bích N 15 cây vàng SJC là 77.000.000đ/1 cây = 1.155.000.000 đồng tại thời điểm khởi kiện và số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền là 1.255.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn*).

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn ông Đào Bích N, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L phải có trách nhiệm trả cho ông Đào Bích N 15 cây vàng SJC x 130.000.000đ/1 cây = 1.950.000.000đ tại thời điểm xét xử và số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền là 2.050.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*)

Bị đơn chị Đào Thị Quỳnh L trình bày:

Do mối quan hệ quan biết, thân thiết nên vào khoảng năm 2018, ông N có gọi cho anh Lê Thanh H là đang có tiền muốn đầu tư kiếm lời. Lúc đó chị L đang làm kinh doanh rất tốt tại Lào Cai, nên ông N đã chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản của chị L. Tổng số tiền ông N chuyển khoản chốt đến tháng 8 năm 2018 là: 1.500.000.000 đồng. Ông N gọi điện chuyển tiền xác nhận và thỏa thuận với chị L mỗi tháng lấy lãi: $1,5 \text{ tỷ} \times 2\% = 30.000.000$ đồng/tháng.

Do có sự tin tưởng chỉ là ông N gửi tiền cho vợ chồng chị L và không có giấy vay mượn tiền. Tiền lãi hàng tháng vợ chồng chị L thực hiện đầy đủ gửi cho ông N.

Từ ngày 08/08/2018 đến khoảng cuối năm 2019 việc kinh doanh của vợ chồng chị L có khó khăn và ông N có gọi cho vợ chồng chị L muốn rút tiền về. Ông N có nói nếu không trả gốc thì số tiền đó sẽ được tính bằng vàng tại thời điểm thanh toán, chị Lưu K đồng ý nên nhiều lần ông N gọi điện đòi, gây áp lực. Do lo sợ chị vẫn trả lãi 30 triệu đồng/tháng và hứa sẽ trả gốc dần dần. Quá trình vay, từ ngày 08/8/2018 đến ngày 31/12/2022, vợ chồng chị đã trả tổng cộng 2.611.341.000 đồng. Trong đó: Gốc 1.570.000.000 đồng, lãi 1.041.339.616 đồng chuyển khoản vào tài khoản của ông Đào Bích N vào số tài khoản: 559020509189 tại ngân hàng A mang tên ĐÀO BÍCH NGỌC. Như vậy, vợ chồng chị đã thanh toán cả gốc và lãi cho ông Đào Bích N nên đến nay không còn nợ ông Đào Bích N. Do đó, chị Đào Thị Quỳnh L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Bích N.

Tại phiên toà sơ thẩm chị Đào Thị Quỳnh L thay đổi về khoản tiền gốc với lý do các lần tính chưa chính xác, nay chị xác nhận số tiền lãi hàng tháng đã chuyển cho ông N là 1.041.000.000 đồng, tiền gốc đã chuyển là 1.670.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.711.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm mười một triệu đồng*)

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Bích N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Buộc anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L phải có trách nhiệm trả cho ông Đào Bích N 15 cây vàng SJC và số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền là 1.255.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn*)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/10/2025, Nguyên đơn ông Đào Bích N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết phúc thẩm giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người kháng cáo ông Đào Bích N giữ nguyên nội dung kháng cáo, Bị đơn chị Đào Thị Q Lưu giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Bích N: Buộc anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Bích N số tiền nợ gốc là 154.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tư triệu đồng*).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Bích N đối với số tiền 1.101.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm linh một triệu đồng*).

- Tuyên án phí và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Bích N có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông Đào Bích N có ý kiến đối với một số khoản tiền nợ gốc mà bị đơn chị Đào Thị Quỳnh L, ông Lê Thanh H cho rằng đã chuyển trả qua tài khoản Ngân hàng của ông N và vợ ông N là bà Sơn Thị Vành N1, thì ông N và bà N1 đều không

nhận được. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông N và bị đơn chị L đều đề nghị Tòa án đưa bà Sơn Thị Vành N1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền nợ gốc nêu trên.

Do đó, để đánh giá vụ án được khách quan, đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa bà Sơn Thị Vành N1, vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án thực hiện trưng cầu giám định:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Nguyên đơn ông Đào Bích N đề nghị Tòa án thực hiện trưng cầu giám định đối với nội dung sau :

- Giám định 02 (Hai) dấu vân tay ghi họ tên “Lê Thanh H ” so với các chữ viết trong tài liệu “ *Giấy mượn tiền ngày 22/12/2019* ” thì dấu vân tay được điểm chỉ trước hay chữ viết có trước.

- Giám định giọng nói nam trong cuộc hội thoại được thu giữ trong USB do ông Đào Bích N gửi đến Tòa so với mẫu so sánh, thì có phải cùng một người nói ra không.

Thấy rằng, đối với đơn đề nghị trưng cầu giám định của ông N, Tòa án đã có văn bản tham vấn ý kiến của Cơ quan giám định – V, Bộ C1 về thủ tục giám định, cách thu mẫu so sánh để việc giám định được thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của Cơ quan giám định. Do đó, Tòa án không có căn cứ để thực hiện trưng cầu giám định đối với các nội dung của ông N đã đề nghị.

[4] Xét nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Đào Bích N:

[4.1] Xét tính hợp pháp của Giấy mượn tiền ngày 22/12/2019

Theo đơn khởi kiện và tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Đào Bích N trình bày do có quan hệ quen biết nên từ năm 2017 đến năm 2018 đã cho anh H, chị L vay tiền ba lần, với tổng số tiền là 1.552.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng/khoản tiền vay. Trong đó, lần đầu vay tiền giữa ông N và anh H, chị L có làm giấy tờ viết tay (*hiện tại đã không còn lưu giữ*), còn các lần vay tiền sau đều giao dịch qua điện thoại. Quá trình vay tiền, giữa ông N và anh H có thỏa thuận quy đổi số tiền vay thành vàng được thể hiện tại “*Giấy mượn tiền ngày 22/12/2019*” do ông N viết, có chữ ký của ông N, chữ ký và điểm chỉ của anh Lê Thanh H.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đào Thị Quỳnh L cho rằng chị không biết về việc anh H có chốt nợ, quy đổi từ vay tiền sang vay vàng với ông N. Chữ ký và điểm chỉ trong “*Giấy mượn tiền ngày 22/12/2019*” thì nhìn đánh giá đúng là chữ ký và điểm chỉ của anh H, nhưng anh H có nói với chị L là do ông N ép anh H ký vào giấy trắng. Khi ông N khởi kiện thì chị L mới được biết đến Giấy mượn tiền này.

Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về Sở hữu chung của vợ chồng như sau : “ 1. *Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất, có thể phân chia; 2. Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; 3. Vợ chồng*

thỏa thuận hoặc ủy quyền cho nhau chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung...” và Tại Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân dân gia đình quy định Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: “1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm..”

Theo đó, thấy rằng nguyên đơn ông Đào Bích N và bị đơn Bà Đào Thị Quỳnh L đều xác định đối tượng vay ban đầu là vay tiền, trong suốt quá trình vay tiền chị L vẫn chuyển trả ông N bằng tiền cả gốc và lãi hàng tháng, ông N nhận tiền và cũng không có ý kiến gì. Đây được xác định là khoản vay chung, sử dụng vào hoạt động chung của gia đình thì trường hợp có sự việc quy đổi khoản vay từ tiền sang vàng thì phải có sự thỏa thuận giữa vợ, chồng hoặc ủy quyền cho nhau. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đào Bích N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị L cũng đồng ý việc quy đổi khoản vay tiền sang vay vàng.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thanh H cũng không thừa nhận có việc thỏa thuận chuyển khoản tiền vay sang vay bằng vàng. Tại các bản vi bằng do ông Đào Bích N cung cấp có các cuộc hội thoại với anh Lê Thanh H cũng thể hiện anh H không thừa nhận chuyển khoản tiền vay sang vay bằng vàng.

Tại Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do đó, Giấy vay mượn tiền ngày 22/12/2019 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan.

Như vậy, việc ông N cho rằng Giấy vay tiền ngày 22/12/2019 là giấy chốt khoản nợ sang vàng giữa hai bên là không có căn cứ chứng minh.

[4.2] Về số tiền nợ gốc và quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

[4.2.1] Về số tiền nợ gốc: Như đã nhận định ở phần trên xác định Giấy vay tiền ngày 22/12/2019 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan. Tuy nhiên, giữa ông N và anh H, chị L có thỏa thuận về việc vay tiền mặc dù thỏa thuận không được lập thành giấy vay tiền hay hợp đồng vay tiền cụ thể nhưng ông N, anh H, chị L đều có xác nhận về việc vay tiền. Vì vậy, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên đối với khoản tiền đã vay. HĐXX, xem xét yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 1.255.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Bích N cho rằng tổng số tiền nợ gốc mà ông cho anh H và chị L vay, ông đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ là các chứng từ giao dịch tiền qua Ngân hàng với tổng số tiền gốc là 1.534.000.000 đồng và số tiền 18.000.000 đồng do ông đưa tiền mặt cho anh H, tổng cộng là 1.552.000.000 đồng. Bị đơn chị Đào Thị Quỳnh L cho rằng tính đến tháng 8/2018, chị đã chốt nợ gốc qua tin nhắn zalo với ông N, số nợ gốc chốt tại thời điểm đó là 1.500.000.000 đồng.

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

- Ngày 12/7/2017, ông Đào Bích N chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của bà Lê Thu H1 số 101010003534556, nội dung: “Chuyển tiền cho mượn”;

- Ngày 23/7/2018, ông Đào Bích N chuyển số tiền 534.000.000 đồng vào tài khoản của bà Đào Thị Quỳnh L số 8802211050620, nội dung: “Chuyển tiền vào tài khoản”;

- Ngày 13/8/2018, ông Đào Bích N chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của bà Đào Thị Quỳnh L số 8802211050620, nội dung: “Nộp vào tài khoản”;

Còn đối với số tiền 18.000.000 đồng, ông N cho rằng ông đã đưa tiền mặt cho anh H vào năm 2018 với lý do để quy đổi cho tròn 14 cây vàng SJC, số tiền này anh H, chị Lưu K thừa nhận, hơn nữa ngoài lời khai, ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, có cơ sở xác định khoản tiền nợ gốc ông N cho vợ chồng anh H, chị L vay số tiền là 1.534.000.000 đồng

[3.1.2] Về quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Quá trình giải quyết vụ án, ông N cho rằng vợ chồng anh H, chị Lưu C trả ông tổng cộng số tiền nợ gốc là 1.380.000.000 đồng, một số giao dịch chị L, anh H cho rằng đã chuyển khoản trả vào tài khoản của ông N và vợ ông N, thì ông N hay bà N1 đều không nhận được.

Tại Bản liệt kê giao dịch tài khoản của ông Đào Bích N mở tại Ngân hàng N2 (số tài khoản 5590205091189) và tài khoản của bà Sơn Thị Vành N1 mở tại Ngân hàng N2 (số tài khoản 6320205160107) trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, không tra cứu thấy một số giao dịch sau:

+ Mã giao dịch 23/12/2020, chị L cho rằng đã chuyển khoản cho ông N số tiền 100.000.000 đồng

+ Mã giao dịch ngày 04/1/2021, chị L cho rằng đã chuyển khoản cho ông N số tiền 100.000.000 đồng;

+ Mã giao dịch ngày 08/2/2021, chị L cho rằng đã chuyển khoản cho ông N số tiền 100.000.000 đồng;

+ Mã giao dịch ngày 11/3/2021, chị L cho rằng đã chuyển khoản cho ông N số tiền 100.000.000 đồng;

+ Mã giao dịch ngày 16/6/2021 chị L cho rằng đã chuyển khoản cho ông N số tiền 110.000.000 đồng;

+ Mã giao dịch Ngày 11/2/2021, chị L cho rằng đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài của vợ ông N là bà Sơn Thị Vành N1.

Vì vậy, đối với ý kiến của ông Đào Bích N cho rằng vợ chồng anh H, chị L chỉ chuyển trả ông tổng cộng số tiền nợ gốc là 1.380.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi xuất do các bên đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu, nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Việc cấp sơ thẩm không xem xét việc chuyển trả số tiền nợ gốc giữa các bên, mà chỉ nhận định dựa vào lời trình bày của các bên đương sự mà bác toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là chưa có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần này.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông N là có căn cứ chấp nhận một phần. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Vành N1 cũng xác định khoản tiền ông N cho chị L, anh H vay là khoản tiền riêng của ông N.

Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông Lê Thanh H và bà Đào Thị Quỳnh L có trách nhiệm hoàn trả cho ông N số tiền nợ gốc là 1.534.000.000đ - 1.380.000.000 đ = 154.000.000 đồng. Chị L và anh H phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông N theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Bích N đối với số tiền 1.101.000.000đ (*Một tỷ một trăm linh một triệu đồng*).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đào Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận; Bị đơn bà Đào Thị Quỳnh L và ông Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Đào Bích N theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Đào Bích N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Bích N:

Buộc anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Bích N số tiền nợ gốc là 154.000.000đ (*Một trăm năm mươi tư triệu đồng*). Mỗi người phải trả cho ông Đào Bích N số tiền 77.000.000đ (*Bảy mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Bích N đối với số tiền 1.101.000.000đ (*Một tỷ một trăm linh một triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Bích N phải chịu 45.030.000 đ (*Bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Đào Bích N đã nộp 24.825.000 đồng theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000004705228 ngày 04/6/2025 của Công ty cổ phần T và biên lai số 294 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6). Ông Đào Bích N còn phải nộp 20.205.000đ (*Hai mươi triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*)

Anh Lê Thanh H và chị Đào Thị Quỳnh L phải liên đới chịu 7.700.000đ (*Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Mỗi người phải chịu 3.850.000đ (*Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đào Bích N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/25E, số 0001538 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND KV 6 – Lào Cai;
- Phòng THADS KV 6 – Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

